

Số: 374 /BC-UBND

Duyên Hải, ngày 10 tháng 09 năm 2024

BÁO CÁO

**Kết quả thực hiện Chỉ thị số 27-CT/TU ngày 19/10/2022 của
Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Kế hoạch số 04/KH-UBND ngày 17/01/2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh tháng 09/2024**

Kính gửi: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh

Căn cứ Chỉ thị số 27-CT/TU, ngày 19/10/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự chỉ đạo của Đảng đối với công tác bảo vệ môi trường đô thị và nông thôn trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch số 04/KH-UBND ngày 17/01/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai Chỉ thị số 27-CT/TU, ngày 19/10/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Căn cứ Công văn số 318/STNMT-QLMT ngày 10/02/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thực hiện Kế hoạch số 04/KH-UBND ngày 17/01/2023 của UBND tỉnh Trà Vinh; Công văn số 380/STNMT ngày 17/02/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thống nhất biểu mẫu báo cáo kết quả theo dõi mô hình camera tại mục C theo Công văn số 318/STNMT-QLMT ngày 10/02/2023;

Căn cứ Công văn số 127/UBND-NC ngày 24/01/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Duyên Hải về việc ủy quyền ký Báo cáo trong lĩnh vực khoáng sản, Báo cáo thực hiện Chỉ thị số 15-CT/TU và Kế hoạch số 01/KH-UBND.

Ủy ban nhân dân huyện Duyên Hải báo cáo kết quả như sau:

**A. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHỈ THỊ SỐ 27-CT/TU NGÀY 19/10/2022
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY VÀ KẾ HOẠCH SỐ 04/KH-UBND NGÀY
17/01/2023 CỦA UBND TỈNH**

I. Công tác chỉ đạo, điều hành

UBND huyện ban hành Công văn số 242/UBND-KT ngày 27/02/2023 về việc thực hiện công tác vệ sinh, cảnh quan môi trường trong xây dựng nông thôn mới; Công văn số 241/UBND-KT ngày 24/02/2023 về việc đẩy mạnh công tác tuyên truyền và thực hiện xây dựng cảnh quan môi trường, chỉnh trang đô thị góp phần xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh. Đồng thời chỉ đạo phòng, ban ngành huyện, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn triển khai thực hiện Chỉ thị số 27-CT-TU ngày 19/10/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Kế hoạch số 04/KH-UBND ngày 17/01/2023 của UBND tỉnh Trà Vinh về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo vệ môi trường đô thị và nông thôn trên địa bàn huyện.

II. Kết quả thực hiện

2.1. Về công tác tuyên truyền, vận động:

Tổng số cuộc triển khai tuyên truyền vận động nhân dân 07 xã, thị trấn thực hiện Chỉ thị 27/TU, tham gia phân loại rác, thu gom rác thải rắn sinh hoạt tại hộ gia đình được 78 cuộc với khoảng hơn 2.025 lượt người nghe dự, hình thức triển khai thông qua các cuộc họp chi, đảng bộ, cơ quan, truyền truyền trên loa. Đồng thời triển khai lồng ghép triển khai trong Nghị quyết các cấp, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội địa phương, hình thức triển khai thông qua các cuộc họp chi, đảng bộ, cơ quan, tuyên truyền trên loa, đài hoặc lồng ghép triển khai trong Nghị quyết chi, đảng bộ các cấp, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

2.2. Xây dựng cảnh quan môi trường đô thị và nông thôn:

- Tiếp tục tổ chức thực hiện Chỉ thị số 27-CT/TU, ngày 19/10/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự chỉ đạo của Đảng đối với công tác bảo vệ môi trường đô thị và nông thôn trên địa bàn tỉnh. Kiểm tra, đôn đốc nhắc nhở các xã, thị trấn ra quân dọn dẹp cảnh quan môi trường. Thường xuyên theo dõi, vận hành hệ thống camera giám sát điểm nóng ô nhiễm môi trường trên địa bàn huyện: kết quả trong tháng không phát hiện vi phạm.

- Tổ chức các hoạt động cải thiện cảnh quan môi trường trên địa bàn huyện, đã tổ chức ra quân 59 cuộc, huy động được 1.249 lượt người tham gia ra quân vệ sinh; thu gom khoảng 9,8 tấn rác thải; phát quang bụi rậm, các trục đường giao thông với tổng chiều dài khoảng 136,5 km; chăm sóc 1.100 cây xanh.

- Duy trì việc vệ sinh cơ quan, trụ sở các xã, thị trấn: thường xuyên, tổng vệ sinh định kỳ hàng tuần (trước, trong và sau cơ quan), chăm sóc các tuyến đường hoa, huy động 105 lượt cán bộ, công chức, đoàn viên tham gia.

Kết quả hưởng ứng Ngày Đất ngập nước Thế giới năm 2024; kết quả thực hiện Bộ chỉ số đánh giá kết quả bảo vệ môi trường năm 2023; Kết quả thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 06/6/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về một số nhiệm vụ, giải pháp cấp bách trong bảo vệ môi trường; tình hình thực hiện Nghị quyết số 29/2017/NQ-HĐND ngày 13/7/2017 và Nghị quyết số 61/2018/NQ-HĐND ngày 04/5/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2.3. Triển khai, nhân rộng các mô hình và hoạt động bảo vệ môi trường

- Tập huấn mô hình phân loại rác thải cho các hội viên Hội Phụ nữ và Hội Nông dân được 14 cuộc có 85 hội viên tham gia và phối hợp, thu gom xử lý rác, chăm sóc cây xanh.

- Vận động Hội viên cựu chiến binh tham gia mô hình xử lý rác thải bằng phương pháp chôn lấp có 25 hộ đăng ký tham gia.

2.4. Thu gom, xử lý chất thải

Nội dung được thể hiện trong phụ lục đính kèm

2.5. Kết quả triển khai các ứng dụng khoa học - công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ để góp phần bảo vệ môi trường

- Tuyên truyền vận động hộ nuôi tôm thâm canh mật độ cao lắp đặt hồ Bioga trong nuôi tôm để giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

- Tiếp tục tuyên truyền đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ sạch thân thiện với môi trường, phát triển các công nghệ xử lý và tái chế, tái sử dụng chất thải; sử dụng hiệu quả tài nguyên, năng lượng.

- Tăng cường công tác thẩm định, hậu kiểm trong việc cấp phép môi trường trong đó, ưu tiên và tạo điều kiện cho các công nghệ tiên tiến, tiêu tốn ít năng lượng, công nghệ xanh, không gây ô nhiễm và thân thiện với môi trường.

2.6. Thanh tra, kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm trong việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm, trật tự xây dựng và trật tự, an toàn giao thông

Lĩnh vực bảo vệ môi trường:

- Tổ kiểm tra, tuyên truyền, hướng dẫn quy trình, điều kiện nuôi tôm thâm canh mật độ cao được 03 cuộc qua vận động, tuyên truyền các hộ dân có cam kết thực hiện đăng ký nuôi trồng thủy sản và xử lý nước thải, chất thải đúng quy định.

- Thường xuyên tuyên truyền, tập trung hướng dẫn cho người dân thực hiện đăng ký nuôi để được cấp giấy xác nhận đăng ký nuôi tại điều 14, 15 Quyết định số 05/2019/QĐ-UBND ngày 12/3/2021 của UBND tỉnh Trà Vinh quy định điều kiện nuôi tôm nước lợ siêu thâm canh, công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Trà Vinh quy định. Đây là vấn đề quan trọng đối với cơ sở nuôi tôm nước lợ thâm canh mật độ cao cần tuân thủ thực hiện được quy định cụ thể tại Nghị định 26/2019/NĐ-CP.

Lĩnh vực vệ sinh an toàn thực phẩm:

- Tiếp nhận tự công bố sản phẩm: 00 hồ sơ, tính từ đầu năm: 00 hồ sơ; Tiếp nhận hồ sơ và thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP: **01 hồ sơ**, tính từ đầu năm: **01 hồ sơ**.

- Tham mưu BCD liên ngành về VSATTP huyện xây dựng Kế hoạch số 04/KH-BCĐ ngày 06/9/2024 của BCD huyện về triển khai truyền thông, kiểm tra liên ngành an toàn thực phẩm Tết Trung thu năm 2024.

- Phối hợp Đoàn kiểm tra liên ngành xây dựng Kế hoạch số 03/KH-ĐKT ngày 09/9/2024 của Đoàn Kiểm tra liên ngành huyện về kiểm tra an toàn thực phẩm Tết Trung thu năm 2024;

- Phân phối 07 băng rol tuyên truyền bảo đảm an toàn thực phẩm Tết Trung thu năm 2024 cho 07 Trạm Y tế các xã, thị trấn.

- Trong tháng không xảy ra ngộ độc thực phẩm trên địa bàn huyện.

Lĩnh vực trật tự xây dựng và trật tự, an toàn giao thông:

- Về công trình sai phép, không phù hợp quy hoạch, nhà ở siêu mỏng, siêu méo trong: không phát hiện.

- Kiểm tra trật tự xây dựng và trật tự an toàn giao thông có 04 cuộc 40 người tham gia.

2.7. Kết quả khắc phục những nội dung còn hạn chế đã được chỉ ra.

Đã kịp thời kiểm tra, đôn đốc nhắc nhở các xã, thị trấn ra quân dọn dẹp cảnh quan môi trường trên địa bàn quản lý.

III. Đánh giá kết quả thực hiện

3.1. Thuận lợi

Trong tháng 09/2024, đa số các xã, thị trấn duy trì việc ra quân thực hiện Chỉ thị số 27-CT/TU, ngày 19/10/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy trên địa bàn huyện. Có xây dựng kế hoạch cụ thể hóa, triển khai thực hiện Chỉ thị số 27-CT/TU, ngày 19/10/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy phù hợp tình hình địa phương.

3.2. Khó khăn, hạn chế

- Công tác thông tin, tuyên truyền chưa sâu rộng nên người dân chưa nắm được tầm quan trọng của việc cải thiện cảnh quan môi trường, từ đó ý thức tham gia của người dân chưa cao.

3.3. Nhận xét (nhận thức, chuyển biến,...)

Qua các cuộc quán triệt, triển khai Chỉ thị số 27-CT/TU, ngày 19/10/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy đến nay nhìn chung các cấp, các ngành, các hội đoàn thể nắm vững quan điểm, nội dung chỉ đạo và tiếp tục vận động truyền truyền nhân dân tạo bước chuyển biến về nhận thức và hành động trong việc cải thiện cảnh quan môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm và quản lý trật tự xây dựng, trật tự, an toàn giao thông được tốt hơn, hiệu quả hơn.

IV. Kế hoạch triển khai trong thời gian tới

- Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 27-CT/TU, ngày 19/10/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Kế hoạch số 04/KH-UBND ngày 17/01/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh trên địa bàn quản lý; Xử lý dứt điểm các điểm gây ô nhiễm môi trường, các điểm tái ô nhiễm thời gian qua trên địa bàn quản lý đảm bảo Xanh - Sạch - Đẹp. Xây dựng kế hoạch tổ chức hội thi tuyến đường hoa năm 2024.

- Xây dựng kế hoạch hỗ trợ thùng chứa rác sinh hoạt, lắp đặt, thay thế pa nô tuyên truyền Chỉ thị số 27, thuê lắp camera giám sát điểm nóng môi trường.

- Đề nghị Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn:

Tiếp tục triển khai thực hiện Chỉ thị số 27-CT/TU, ngày 19/10/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Kế hoạch số 04/KH-UBND ngày 17/01/2023 của UBND tỉnh, địa phương tự xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện năm 2024 phù hợp tình hình thực tế của từng địa phương.

+ Tăng cường chỉ đạo vệ sinh cảnh quan môi trường, trồng và chăm sóc hoa trước, trong và sau khuôn viên cơ quan, đơn vị; cải tạo, chỉnh trang hàng rào, cổng rào,... tạo cảnh quan thông thoáng, sạch đẹp; xử lý triệt để các điểm đen về môi

trường; tiếp tục vận động người dân xây dựng mô hình phân loại, ủ rác hữu cơ, hộ gia đình đăng ký xanh sạch đẹp.

+ Tiếp tục tăng cường công tác tuyên truyền, vận động để tạo sự chuyển biến tích cực về nhận thức và hành động trong đảng viên, công chức, viên chức và nhân dân; tiếp tục tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đẩy mạnh công tác tuyên truyền để người dân không vứt rác bừa bãi; sắp xếp lại các điểm tập kết rác phù hợp; thống nhất với đơn vị thu gom rác phải thu gom triệt để, đảm bảo không để rác tồn đọng gây ô nhiễm môi trường, thực hiện tốt công tác vệ sinh an toàn thực phẩm và quản lý xây dựng đúng theo quy định của pháp luật.

+ Xử lý dứt điểm các điểm gây ô nhiễm môi trường, các điểm tái ô nhiễm thời gian qua trên địa bàn quản lý đảm bảo Xanh - Sạch - Đẹp.

B. TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ BÃI RÁC THEO ĐỀ ÁN TĂNG CƯỜNG NĂNG LỰC VÀ HẠ TẦNG KỸ THUẬT THỰC HIỆN QUẢN LÝ CHẤT THẢI RẮN ĐÃ ĐƯỢC PHÊ DUYỆT TẠI QUYẾT ĐỊNH SỐ 1446/QĐ-UBND

Quyết định 1446/QĐ-UBND ngày 23/7/2021 của UBND tỉnh Trà Vinh phê duyệt Đề án tăng cường năng lực và hạ tầng kỹ thuật thực hiện quản lý chất thải rắn (Phụ lục 2 chi tiết lộ trình triển khai và kinh phí dự kiến thực hiện phương án xử lý các bãi rác giai đoạn 2021-2030) quy định huyện Duyên Hải thực hiện đóng bãi rác xã Long Vĩnh; thực hiện cải tạo hố rác, đầu tư máy nghiền rác, xây dựng nhà bao che, sàn phân loại, nâng cao khả năng vận hành lò đốt tại bãi rác xã Đông Hải trong năm 2022.

Kết quả thực hiện:

- Đóng bãi rác xã Long Vĩnh:

Thực hiện đóng bãi rác xã Long Vĩnh theo quy định. Đến nay, tiến độ thực hiện đóng bãi rác xã Long Vĩnh đạt 100% khối lượng công trình.

- Bãi rác xã Đông Hải: Năm 2021, đầu tư xây dựng nhà bao che và đưa vào sử dụng phục vụ cho vận hành lò đốt rác tại bãi rác xã Đông Hải; Chưa đầu tư máy nghiền rác, sàn phân loại theo quy định.

Năm 2022, hoàn thành di dời, gom gọn và che đậy rác thải nhằm giảm thiểu ô nhiễm và cải tạo cảnh quan môi trường tại bãi rác xã Đông Hải.

Thực hiện phun xịt hoạt chất diệt côn trùng, chế phẩm sinh học khử mùi tại các bãi rác trên địa bàn huyện; theo dõi vận hành tốt Phương án thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn huyện.

Tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt khu vực thành thị và nông thôn năm 2023, cụ thể như sau:

Tỷ lệ thu gom và xử lý rác thải sinh hoạt khu vực đô thị: 99,35%

Tỷ lệ thu gom và xử lý rác thải sinh hoạt khu vực nông thôn: 95,54%

C. KẾT QUẢ THEO DÕI MÔ HÌNH CAMERA GIÁM SÁT TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN

Thực hiện Công văn số 242/UBND-KT ngày 28/02/2024 của Chủ tịch UBND huyện Duyên Hải về việc thống nhất thực hiện thuê camera giám sát các điểm nóng môi trường trên địa bàn huyện năm 2024. Theo đó, Chủ tịch UBND huyện giao Phòng Tài nguyên và Môi trường là đơn vị thực hiện thuê camera giám sát các điểm nóng môi trường trên địa bàn huyện năm 2024. Kinh phí thực hiện 99.960.000 đồng (Bằng chữ: Chín mươi chín triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng).

Phòng Tài nguyên và Môi trường ký hợp đồng với Công ty TNHH MTV Công nghệ số ASC khảo sát vị trí lắp đặt để thuê camera.

Trên đây kết quả thực Chỉ thị số 27-CT/TU ngày 19/10/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy trên địa bàn huyện tháng 09/2024, Ủy ban nhân dân huyện báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường nắm, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Công thương (b/c);
- Sở Y tế (b/c);
- Sở Xây dựng (b/c);
- Sở Giao thông vận tải (b/c);
- Phòng Tài nguyên và MT (đ/b);
- CT. UBND các xã, thị trấn (đ/b);
- Lưu: VT.

TUQ. CHỦ TỊCH UBND HUYỆN
KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Văn Oanh

PHỤ LỤC

Khối lượng rác thải sinh hoạt được thu gom, xử lý trên địa bàn huyện tháng 9/2024

TT	Khu vực	Số hộ (hộ)	Số dân (người)	Khối lượng rác thải sinh hoạt phát sinh (kg/ngày)	Rác thải sinh hoạt được thu gom bởi đơn vị thu gom rác		Rác thải sinh hoạt người dân tự xử lý				Tỷ lệ thu gom, xử lý (%)	Khối lượng rác chưa được thu gom, xử lý (kg/ngà y)	Tỷ lệ rác chưa được thu gom, xử lý (%)	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt <u>đô</u> <u>thị</u> được xử lý bằng phương pháp chôn lấp trực tiếp so với lượng chất thải được thu gom
					Biện pháp xử lý		Số mô hình (mô hình)	Số hộ tham gia (hộ)	Số người tham gia (người)	Khối lượng (kg/ngà y)				
					Đốt (kg/ngày)	Chôn lấp trực tiếp (kg/ngày)								
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
I	Khu vực đô thị													
1	TT. Long Thành	1.641	6.640	5.444,8	4.960,18	4.010,18	3	170	538	441,16	99,20	43,46	0,80	19,15
	Tổng khu vực đô thị	1.641	6.640	5.444,8	4.960,18	4.010,18	3	170	538	441,16	99,20	43,46	0,80	19,15
II	Khu vực nông thôn													
1	Long Khánh	1.806	6.025	2.711,25	1.040	790	4	964	3.498	1.574,1	96,42	97,15	3,58	0,24
2	Đông Hải	2.922	10.647	4.791,15	1.860	1.500	4	1.697	6.105	2.747,25	96,16	183,9	3,84	0,19
3	Đôn Xuân	3.411	13.572	6.107,4	3.510	0	3	1.001	4.022	1.809,9	87,11	787,50	12,89	
4	Long Vĩnh	3.351	12.248	5.511,60	2.730,15	2.020,15	3	1.592	5.820	2.619	97,05	162,45	2,95	0,26
5	Đôn Châu	3.079	11.820	5.319	2.970	0	3	1.231	4.377	1.969,65	92,87	379,35	7,13	
6	Ngũ Lạc	4.661	18.979	8.540,55	5.740	0	4	1.522	6.072	2.732,40	99,2	68,15	0,80	
	Tổng khu vực nông thôn	19.230	73.291	32.980,95	17.850,15	4.310,15	21	8.007	29.894	13.452,3	94,91	1.678,5	5,09	0,69

